

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 145/2000/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi;

Căn cứ Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các hoạt động thu, chi tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực được điều chỉnh theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 145/2000/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định chế độ quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý an toàn vốn và tài sản, sử dụng vốn, chấp hành chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Chương II

VỐN VÀ TÀI SẢN

Điều 4. Vốn hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gồm :

1. Vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng do Nhà nước cấp.

Khi có yêu cầu thay đổi mức vốn điều lệ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Vốn vay khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

3. Vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có).

4. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản.

5. Quỹ dự phòng nghiệp vụ (nguồn thu phí bảo hiểm tiền gửi).

6. Các loại quỹ : quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

7. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định do Nhà nước cấp (nếu có).

8. Vốn khác.

Điều 5. Quỹ dự phòng nghiệp vụ được hình thành từ nguồn thu phí bảo hiểm tiền gửi hàng năm (sau khi đã trừ số phí được bổ sung vào thu nhập của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quy định tại Điều 12 Quy chế này).

Quỹ dự phòng nghiệp vụ dùng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mất khả năng thanh toán và có quyết định chấm dứt hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp nguồn vốn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không đủ để chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ phương án xử lý.

Điều 6.

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động theo quy định tại Nghị định số 89/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về bảo hiểm tiền gửi và Quyết định số 75/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Việc sử dụng vốn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.

2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ hoạt động của mình không vượt quá 15% vốn điều lệ. Việc đầu tư và mua sắm tài sản cố định hàng năm phải tuân thủ các quy định của Nhà nước và trong phạm vi kế hoạch năm đã được duyệt.

3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi vào các mục đích theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Quyết định số 75/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm kê tài sản và vốn hiện có theo định kỳ hàng năm; xác định chính xác số tài sản thừa, thiếu, tài sản ứ đọng, mất phẩm chất, nguyên nhân và trách nhiệm xử lý để làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.
2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của pháp luật. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 8. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định đối với doanh nghiệp Nhà nước và được sử dụng số khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư thay thế, đổi mới tài sản cố định và sử dụng cho các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Mọi tổn thất tài sản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (trừ tổn thất thuộc cam kết bảo hiểm tiền gửi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam) phải được lập biên bản xác định mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý theo nguyên tắc sau :

1. Nếu tài sản tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể hoặc cá nhân thì đối tượng gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
2. Tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
3. Giá trị tổn thất sau khi đã thu hồi và bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của các tổ chức bảo hiểm, nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí.
4. Những trường hợp tổn thất do thiên tai, do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại nghiêm trọng; tổn thất do không thu hồi được các khoản cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ, sau khi đã bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính vẫn không đủ thì Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc lập phương án xử lý tổn

thất báo cáo Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước xem xét để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 10. Thanh lý, nhượng bán tài sản

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được nhượng bán tài sản không cần dùng để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích hoạt động có hiệu quả hơn.
2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thanh lý những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng, để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích hoạt động có hiệu quả hơn.
3. Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải thành lập Hội đồng đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật, thẩm định giá trị tài sản và tổ chức đấu giá trong trường hợp pháp luật quy định phải tổ chức đấu giá.
4. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 11. Thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản

1. Việc thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Số tiền Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thu được từ thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được sử dụng theo trật tự sau :
 - a) Hoàn lại các khoản Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đã cho vay hỗ trợ và bảo lãnh đối với các tổ chức này;
 - b) Phần còn lại (nếu có) bổ sung quỹ dự phòng nghiệp vụ.

Chương III

THU NHẬP, CHI PHÍ

Điều 12. Các khoản thu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là các khoản thực thu trong năm, bao gồm :

1. Thu hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi :